

Bản án số: 58/2020/HSST

Ngày: 27-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồ.

2. Ông Lê Minh Thiện.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Thanh N, sinh năm 1995 tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: Tệt Mậu Thân, Phường A, TP MT, tỉnh Tiền Giang;

Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: không; Vợ, con: chưa có;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N;

Con ông Trần Văn Bé C, sinh năm: 1969 và bà Hà Thị M, sinh năm 1969;

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 09/6/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 27/2016/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/5/2020 cho đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:**

Phan Ngọc Ph, sinh năm 1976. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp 1, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 21/02/2020, bị cáo N chạy xe đạp từ thành phố MT, tỉnh Tiền Giang sang thành phố BT với mục đích tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến tiệm làm tóc PKg của anh Phan Ngọc Ph ở ấp 1, xã Sô, thành phố BT thì thấy cửa tiệm khóa ngoài nên nảy sinh ý định đột nhập để lấy trộm tài sản. Bị cáo chạy xe đạp đến bãi đất trống cách đó khoảng 200m cất giấu, nhặt bên lề đường một đoạn gỗ vuông và một cục

đá xanh rồi đi bộ trở lại đập và nạy bung ổ khóa cửa tiệm, lấy của anh Ph: 700.000 đồng tiền Việt Nam; 400 đôla Mỹ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade màu đen-bạc, biển số 59F2-050.56, số khung: 1802AY404319, số máy JF27E0455842; 01 máy cắt tóc (tăng đơ) màu đen; 01 máy phục hồi tóc loại Nano màu trắng; 01 đồng hồ đeo tay N, hiệu RONET, mặt tròn màu vàng, dây bằng kim loại màu vàng; 01 đồng hồ đeo tay N, hiệu MORONO, mặt tròn màu trắng, dây bằng kim loại màu trắng; 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu BOLO màu đen, có nắp màu đỏ còn 95% dung dịch dầu; 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu ETERNITY màu trắng, còn 50% dung dịch dầu; 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu CHANEL màu đen, còn 30% dung dịch dầu; 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu 2N2 MEN màu trắng bạc, còn 70% dung dịch dầu; 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu CK màu vàng, còn 50% dung dịch dầu và 03 chai dầu thơm đã hết và không rõ nhãn hiệu.

Sau khi lấy được số tài sản trên, bị cáo đã sử dụng xe mô tô để chở toàn bộ tài sản vừa lấy trộm được về tỉnh Tiền Giang. Bị cáo N bán chiếc xe mô tô biển số 59F2-050.56 cho một người tên Th ở tỉnh Long An (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) được 3.000.000 đồng; bán cho những người lạ mặt ở tỉnh Tiền Giang 02 đồng hồ đeo tay, máy cắt tóc và máy phục hồi tóc được tổng cộng 700.000 đồng. Riêng 08 chai dầu thơm, bị cáo N đem về nhà trọ sử dụng và quăng bỏ một số chai dầu đã hết, 400 đô la Mỹ bị rơi mất. Sau đó, hành vi của bị cáo bị phát hiện. Vật chứng thu giữ:

- 01 ổ khóa hiệu “Solex” và 06 dấu vết đường vân.
- 01 chai dầu thơm có chữ ETERNITY màu trắng và 01 chai dầu thơm có chữ CHANEL màu đen.

Theo Bản kết luận định giá trị tài sản số 366/KL-HĐĐG ngày 08/5/2020 và số 418/KL-HĐĐG ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận trị giá các tài sản vào ngày 21/02/2020 cụ thể như sau:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade màu đen-bạc, biển số 59F2-050.56, số khung: 1802AY404319, số máy JF27E0455842 trị giá 15.000.000 đồng;
- 01 máy cắt tóc (tăng đơ) màu đen, trị giá 630.000 đồng;
- 01 máy phục hồi tóc loại Nano màu trắng, trị giá 2.880.000 đồng;
- 01 đồng hồ đeo tay N, hiệu RONET, mặt tròn màu vàng, dây bằng kim loại màu vàng, trị giá 1.400.000 đồng;
- 01 đồng hồ đeo tay N, hiệu MORONO, mặt tròn màu trắng, dây bằng kim loại màu trắng, trị giá 2.000.000 đồng;
- 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu BOLO màu đen, có nắp màu đỏ còn 95% dung dịch dầu, trị giá 1.567.500 đồng;
- 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu ETERNITY màu trắng, còn 50% dung dịch dầu, trị giá 327.000 đồng;
- 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu CHANEL màu đen, còn 30% dung dịch dầu, trị giá 275.000 đồng;
- 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu 2N2 MEN màu trắng bạc, còn 70% dung dịch dầu, trị giá 441.000 đồng;
- 01 chai dầu thơm đã sử dụng, hiệu CK màu vàng, còn 50% dung dịch dầu, trị giá 476.000 đồng;
- 400 đôla Mỹ, có giá mua là 9.256.000 đồng, giá bán là 9.324.000 đồng.

Theo Kết luận giám định số 09/2020/GĐĐV ngày 15/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vết đường vân mẫu cần giám định ký hiệu số 4 thu tại hiện trường trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 21/02/2020 tại ấp 1, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nêu tại mục II.1 với vân tay ngón “Trỏ phải” của Trần Thanh N, sinh năm 1995, nơi ĐKTTT Tết Mậu Thân, phường A, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang nêu tại mục II.2 do cùng một người để lại.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho anh Phan Ngọc Ph 01 chai dầu thơm có chữ ETERNITY màu trắng và 01 chai dầu thơm có chữ CHANEL màu đen. Anh Ph yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại đối với các tài sản không thu hồi lại được theo định giá là 34.350.500 đồng; bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Tại cáo trạng số 59/CT-VKSTPBT ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa hiệu “Solex”

- + Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho anh Phan Trọng Ph 01 chai dầu thơm có chữ ETERNITY màu trắng và 01 chai dầu thơm có chữ CHANEL màu đen.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh Phan Ngọc Ph số tiền 34.350.500 đồng.

Bị cáo Trần Thanh N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố, không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Lời sau cùng: rất ăn năn về hành vi đã thực hiện, xin được giảm nhẹ tối đa hình phạt để bị cáo sớm trở về đi làm kiếm tiền bồi thường cho anh Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của bị hại không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 01 giờ ngày 21/02/2020, tại ấp 1, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Phan Ngọc Ph các tài sản gồm: 700.000 đồng tiền Việt Nam; 400 đôla Mỹ trị giá 9.256.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, biển số 59F2-050.56, trị giá 15.000.000 đồng; 01 máy cắt tóc trị giá 630.000 đồng; 01 máy phục hồi tóc trị giá 2.880.000 đồng; 02 đồng hồ đeo tay trị giá 3.400.000 đồng; 05 chai dầu thơm các loại đã sử dụng trị giá 3.086.500 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 34.952.500 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Ph. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Thành về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân xấu, không có tiền sự nhưng hiện đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo N là “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 ổ khóa hiệu “Solex” do hiện tại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chai dầu thơm có chữ ETERNITY màu trắng và 01 chai dầu thơm có chữ CHANEL màu đen Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho anh Phan Ngọc Ph nên ghi nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N đồng ý bồi thường cho anh Ph số tiền 34.350.500 đồng nhưng chưa thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Thanh N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Ngọc Ph số tiền 34.350.500 đồng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo N không có tài sản và không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo N phải nộp theo quy định tại Điều 23 và 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/5/2020.

2. Về xử lý vật chứng, áp dụng các Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) ổ khóa hiệu “Solex”.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/7/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre quản lý).

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thanh N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Ngọc Ph số tiền 34.350.500 (Ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn năm trăm) đồng.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Trần Thanh N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Trần Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.717.500 (Một triệu bảy trăm mười bảy ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường A, TP MT, Tiền Giang (1b);
- Bị cáo, Bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Như Phương